

QUYẾT ĐỊNH
Quy định giá tính thuế tài nguyên năm 2022
trên địa bàn thành phố Cần Thơ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;
Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;
Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;
Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quyết định này Quy định giá tính thuế tài nguyên năm 2022 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ kinh doanh, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác tài nguyên thuộc đối tượng chịu thuế tài nguyên trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Giá tính thuế tài nguyên

Đơn vị tính: Đồng

Mã nhóm, loại tài nguyên					Tên nhóm, loại tài nguyên/ Sản phẩm tài nguyên	Đơn vị tính	Giá tính thuế
Cấp 1	Cấp 2	Cấp 3	Cấp 4	Cấp 5			
II					Khoáng sản không kim loại		
	III				<i>Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình</i>	m ³	50.000
	II5				<i>Cát</i>		
		II501			Cát san lấp (bao gồm cả cát nhiễm mặn)	m ³	60.000
		II502			Cát xây dựng		
			II50201		Cát đen dùng trong xây dựng	m ³	70.000
V					Nước thiên nhiên		
	VI				<i>Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp</i>		
		V102			Nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp		
			V10201		Nước thiên nhiên khai thác tinh lọc đóng chai, đóng hộp	m ³	200.000
	V2				<i>Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất kinh doanh nước sạch</i>		
		V201			Nước mặt	m ³	4.000
		V202			Nước dưới đất (nước ngầm)	m ³	6.000
	V3				<i>Nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác</i>		

	V301			Nước thiên nhiên dùng trong sản xuất rượu, bia, nước giải khát, nước đá	m ³	70.000
	V302			Nước thiên nhiên dùng cho khai khoáng	m ³	45.000
	V303			Nước thiên nhiên dùng mục đích khác (<i>như làm mát, vệ sinh công nghiệp, xây dựng, dùng cho sản xuất, chế biến thủy sản, hải sản, nông sản,...</i>)	m ³	5.000

(Giá tính thuế tài nguyên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế thành phố, các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng, điều chỉnh, bổ sung giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn thành phố; cung cấp thông tin đối với các trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung để Bộ Tài chính làm căn cứ điều chỉnh Khung giá tính thuế tài nguyên.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm theo dõi, rà soát các loại tài nguyên quy định tại Bảng giá tính thuế tài nguyên. Trường hợp có phát sinh loại tài nguyên mới được khai thác trên địa bàn thành phố thuộc diện chịu thuế tài nguyên nhưng chưa được quy định tại Bảng giá tính thuế tài nguyên, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Cục Thuế thành phố kịp thời thông báo và đề xuất giá tính thuế tài nguyên cho Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Bảng giá tính thuế tài nguyên cho phù hợp với thực tế phát sinh và các quy định hiện hành.

3. Cục Thuế thành phố chịu trách nhiệm thường xuyên rà soát mức giá quy định trong Bảng giá tính thuế tài nguyên. Trường hợp phát hiện giá tính thuế tài nguyên không còn phù hợp thì Cục Thuế thành phố phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường chủ động thông báo và đề xuất giá tính thuế tài nguyên cho Sở Tài chính để tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố điều chỉnh, bổ sung Bảng giá tính thuế tài nguyên cho phù hợp với biến động của thị trường và các quy định hiện hành.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2022 và thay thế Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ Quy định giá tính thuế tài nguyên năm 2021 trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Các nội dung khác có liên quan đến giá tính thuế tài nguyên không nêu trong Quyết định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Tài chính;
- Tổng cục Thuế;
- TT. Thành ủy;
- TT. HĐND TP;
- CT và các PCT UBND TP;
- UBMTTQ Việt Nam TP và các đoàn thể;
- Sở, ban ngành TP;
- UBND quận, huyện;
- Đài PT&TH TPCT; Báo Cần Thơ;
- Công Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (3B);
- Lưu: VT, Hồng

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hồng

